

KẾ HOẠCH
Cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025

Nhằm nâng cao chất lượng cung cấp nước sạch cho người dân và thực hiện định hướng tăng cường khai thác nước mặt, hạn chế khai thác nước ngầm (nước dưới đất), tiến tới chuyển nước ngầm thành nguồn dự phòng, dự trữ trong cung cấp nước sạch, Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Kế hoạch cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau:

I. Hiện trạng cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

1. Hiện trạng về số lượng trạm cấp nước, số hộ dân, tỷ lệ hộ dân được cấp nước

Tổng số trạm cấp nước (tính đến tháng 12/2020) là 413 trạm cấp nước (TCN), bao gồm 62 TCN mặt và 351 TCN ngầm. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước năm 2020 đạt 85,66% (đính kèm Phụ lục 1).

2. Hiện trạng chất lượng nước tại các TCN năm 2019 - 2020

2.1. Hiện trạng chất lượng nước tại các TCN năm 2019

- Tổng số TCN có công suất thiết kế từ 1.000 m³/ngày đêm trở lên được kiểm tra là 35 TCN. Kết quả 35/35 TCN đều đạt chất lượng nước theo QCVN 01:2009/BYT.

- Tổng số TCN có công suất thiết kế dưới 1.000 m³/ngày đêm được giám sát chất lượng (trong 02 đợt) là 341 TCN. Kết quả, 204/341 TCN không đạt chất lượng nước theo QCVN 02:2009/BYT, trong đó có 89 TCN (đợt I) và 104 TCN (đợt II) không đạt chỉ tiêu về asen, chủ yếu tập trung tại địa bàn các huyện: Tháp Mười, Tam Nông và Tân Hồng (đính kèm Phụ lục 2).

2.2. Hiện trạng chất lượng nước cấp tại các TCN năm 2020

- Tổng số TCN có công suất thiết kế từ 1.000 m³/ngày đêm trở lên được kiểm tra là 41 TCN. Kết quả, 07/41 TCN không đạt chất lượng nước theo QCVN 01:2009/BYT.

- Tổng số TCN có công suất thiết kế dưới 1.000 m³/ngày đêm được giám sát chất lượng (trong 2 đợt) là 320 trạm. Kết quả, có 167/320 TCN không đạt chất lượng nước theo QCVN 02:2009/BYT, trong đó có 113 TCN không đạt chỉ tiêu về asen, chủ yếu tập trung tại địa bàn các huyện: Tháp Mười, Tam Nông, Tân Hồng và Cao Lãnh (đính kèm Phụ lục 2).

3. Đánh giá hiện trạng công tác cung cấp nước sạch

- Tỉnh Đồng Tháp thuận lợi trong khai thác nước mặt để cung cấp nước sạch do tiếp giáp với sông Tiền, sông Hậu và có hệ thống các kênh thủy lợi lớn. Tuy nhiên, số TCN ngầm vẫn chiếm tỷ lệ rất cao (xấp xỉ 85%) trong tổng số các TCN trên địa bàn tỉnh năm 2020.

- Do thiếu hệ thống xử lý hoàn chỉnh, chất lượng nước tại các TCN ngầm và TCN mặt có công suất thiết kế dưới 1.000 m³/ngày đêm thường xuyên không đạt QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế. Thậm chí, những TCN ngầm được đầu tư lắp đặt hệ thống xử lý asen cũng không hoạt động hiệu quả. Trong khi đó, hầu hết các TCN có công suất thiết kế từ 1.000 m³/ngày đêm trở lên, với tần suất giám sát 02 tháng/lần, hầu hết đạt chất lượng nước theo QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế trong năm 2019 và năm 2020, với tỷ lệ rất cao (trên 90%).

- Chất lượng nước ngầm từ các địa bàn các huyện vùng sâu (Tháp Mười, Tân Hồng, Tam Nông và một phần huyện Cao Lãnh) đang suy giảm. Do đó, cần có chính sách hỗ trợ, thực hiện các dự án đầu tư công các hệ thống cấp nước hợp lý cho các khu vực này.

- Nhiều đơn vị cấp nước tại khu vực nông thôn đã chủ động chuyển đổi việc cung cấp nước sạch từ nguồn nước ngầm sang nước mặt khi xây dựng TCN mặt có công suất từ 1.000 m³/ngày đêm trở lên, với công nghệ xử lý hiện đại đảm bảo chất lượng nước đạt QCVN 01:2009/BYT hoặc QCVN 01-1:2018/BYT theo quy định và thay thế các trạm cấp nước ngầm hiện hữu. Để việc chuyển đổi cung cấp nước sạch từ nguồn nước ngầm sang nước mặt được khả thi thì cần nguồn kinh phí rất lớn, trong khi đó, nguồn vốn hỗ trợ (kể cả việc cấp bù phương án giá nước sạch), đầu tư công từ ngân sách nhà nước còn nhiều hạn chế.

- Việc thực hiện mô hình mua, bán nước sạch qua đồng hồ tổng chưa được tổng kết, đánh giá để áp dụng rộng rãi nên gây khó khăn trong việc thực hiện chuyển đổi cung cấp nước sạch từ nguồn nước ngầm sang nước mặt.

- Việc quản lý nhà nước về công tác cấp nước trên địa bàn Tỉnh trong thời gian qua còn phân tán theo khu vực (đô thị và nông thôn) và theo từng công đoạn (nước thô đầu vào, chất lượng nước đầu ra, giá nước, ...), thiếu văn bản pháp lý về quản lý công tác cấp nước để phân cấp, phân công các cơ quan nhà nước và chưa xây dựng, thống nhất cơ sở dữ liệu dùng chung lĩnh vực cấp nước.

II. Mục tiêu và nguyên tắc thực hiện

1. Mục tiêu

- Đảm bảo công tác cung cấp nước sạch từ nguồn nước mặt đạt chất lượng, lưu lượng và cột áp để đảm bảo sức khỏe của người dân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Bảo vệ nguồn nước ngầm, chuyển nước ngầm thành nguồn nước dự trữ và hạn chế hiện tượng sụt lún nền đất do khai thác nước ngầm quá mức.

- Cung cấp nước sạch không phân biệt khu vực đô thị và nông thôn, không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Phần đầu toàn tỉnh Đồng Tháp luôn được sử dụng nước sạch đạt chuẩn chất lượng theo quy định. Đồng thời, hướng đến giám sát chất lượng nước một cách liên tục (quan trắc online) và công khai kết quả giám sát chất lượng nước.

- Hướng tới quản lý công tác cấp nước đồng bộ, hiệu quả, chủ động, kịp thời và công khai.

2. Nguyên tắc thực hiện

- Khuyến khích áp dụng các công nghệ xử lý nước hiện đại, đáp ứng chất lượng nước theo quy định và tiết kiệm diện tích đất. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư, phát triển cấp nước và quản lý hoạt động cấp nước.

- Các đồ án quy hoạch xây dựng, dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, các công trình thủy lợi phải xét đến hệ thống cấp nước có liên quan (hiện hữu, dự kiến) để bảo đảm tính đồng bộ với hệ thống cấp nước này, cũng như chuẩn bị kinh phí, phương án tài chính hỗ trợ có liên quan, nếu có (khảo sát, di dời đường ống cấp nước, ...).

- Giá nước sạch phải được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí sản xuất hợp lý trong quá trình sản xuất, phân phối nước sạch (bao gồm cả chi phí duy trì đầu nối) nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước. Thực hiện hỗ trợ, cấp bù phương án giá nước sạch đối với các dự án cấp nước của đơn vị cấp nước đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, chấp thuận theo quy định.

III. Kế hoạch cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025

1. Định hướng cấp nước tại các thành phố: Cao Lãnh, Sa Đéc, Hồng Ngự và huyện Lấp Vò

- Trong giai đoạn 2021 - 2025, UBND các thành phố Cao Lãnh, Sa Đéc và Hồng Ngự thực hiện lộ trình chuyển đổi từ nước ngầm sang nước mặt trong cung cấp nước sạch tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Kế hoạch này; rà soát, thực hiện phương án đầu tư đường ống cấp nước tại các tiểu khu chưa có đường ống cấp nước và thực hiện ký hợp đồng cấp nước (thỏa thuận cấp nước) với các đơn vị cấp nước theo quy định để cung cấp nước sạch cho các tiểu khu này.

- UBND huyện Lấp Vò đánh giá, tổng kết Kế hoạch cung cấp nước sạch trên địa bàn đến năm 2020, tiếp tục ban hành Kế hoạch cung cấp nước sạch trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025 và thực hiện lộ trình chuyển đổi từ nước ngầm sang nước mặt trong cung cấp nước sạch tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Kế hoạch này; tiếp tục rà soát, thực hiện phương án đầu tư đường ống cấp nước tại các tiểu khu chưa có đường ống cấp nước và thực hiện ký hợp đồng cấp nước (thỏa thuận cấp nước) với các đơn vị cấp nước theo quy định để cung cấp nước sạch cho các tiểu khu này.

2. Định hướng phân vùng cấp nước tại huyện còn lại

- Định hướng phân vùng cấp nước tại các huyện còn lại được thể hiện chi tiết tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Trên cơ sở định hướng phân vùng cấp nước nêu trên, UBND các huyện có trách nhiệm ban hành Kế hoạch cung cấp nước sạch tại địa phương giai đoạn 2021 - 2025, xác định cụ thể các đơn vị cấp nước mặt hoặc kêu gọi đầu tư tại các vùng cấp nước trên địa bàn và thực hiện lộ trình chuyển đổi từ nước ngầm sang nước mặt trong cung cấp nước sạch theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Kế hoạch này. Trong đó, lưu ý:

+ Các TCN mặt hiện hữu trên địa bàn huyện được tiếp tục thực hiện dịch vụ cấp nước sạch nếu đảm bảo chất lượng nước, lưu lượng và cột áp theo quy định. Nếu không đảm bảo điều kiện vừa nêu, các TCN mặt này phải đấu nối, mua nước mặt giá sỉ (qua đồng hồ tổng) từ các đơn vị cấp nước mặt trên địa bàn, hoặc chuyển nhượng lại trạm, mạng lưới cấp nước của mình cho đơn vị cấp nước mặt khác (thực hiện theo quy định hiện hành).

+ Các TCN ngầm hiện hữu trên địa bàn huyện thực hiện sắp xếp việc kinh doanh nước sạch của mình, lựa chọn thực hiện một trong các phương án sau: tự chuyển đổi qua nguồn nước mặt (nếu khả thi và phải đảm bảo chất lượng nước, lưu lượng và cột áp theo quy định); đấu nối, mua nước mặt giá sỉ (qua đồng hồ tổng) từ các đơn vị cấp nước mặt trên địa bàn; chuyển nhượng lại trạm, mạng lưới cấp nước của mình cho đơn vị cấp nước mặt (thực hiện theo quy định hiện hành) để chuyển đổi từ nước ngầm sang nước mặt trong cung cấp nước sạch theo lộ trình quy định.

+ Đối với các tiểu khu chưa có đường ống cấp nước trên địa bàn, UBND các huyện rà soát, thực hiện phương án phát triển đường ống cấp nước tại các tiểu khu này và thực hiện ký hợp đồng cấp nước (thỏa thuận cấp nước) với các đơn vị cấp nước theo quy định để cấp nước cho các tiểu khu này.

3. Lộ trình chuyển đổi từ nước ngầm sang nước mặt trong cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh

- Lộ trình chuyển đổi từ nước ngầm sang nước mặt trong cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Trong quá trình thực hiện lộ trình nêu trên, chỉ cho phép khai thác đối với giếng khoan hiện hữu có chất lượng nước đạt chuẩn theo quy định, ưu tiên phục vụ cấp nước sinh hoạt, nhưng chưa thể đấu nối được với trạm cấp nước mặt; từng trường hợp cụ thể phải phù hợp với kết quả công bố Danh mục khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất và phải có ý kiến bằng văn bản của UBND Tỉnh; không cho phép khoan (thăm dò) giếng mới đối với tất cả các công trình sử dụng nước cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngoài công ích.

- Nếu phát sinh những trường hợp đặc biệt không thể thực hiện theo lộ trình này, UBND huyện, thành phố và các cá nhân, tổ chức, đơn vị có liên quan kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định.

4. Nguồn vốn thực hiện

Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025 bao gồm:

- Vốn ngân sách nhà nước. Trong đó, ngân sách Tỉnh không quá 25 tỷ đồng, theo Nghị quyết số 330/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc thông qua phương án lập kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ (lần 2).
- Vốn khác: vốn của đơn vị cấp nước; vốn vay; vốn hợp pháp khác, ...

IV. Tổ chức thực hiện

- Ngoài chức năng, nhiệm vụ đã được quy định, yêu cầu các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan tập trung thực hiện danh mục công việc trọng tâm tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Để thực hiện Kế hoạch cung cấp nước sạch toàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025 đồng bộ, khả thi và hiệu quả, yêu cầu UBND các huyện, thành phố chủ động, tích cực tổ chức xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch cung cấp nước sạch tại địa phương giai đoạn 2021 - 2025. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra tiến độ đầu tư các dự án cấp nước và phát triển cấp nước trên địa bàn để đảm bảo thực hiện mục tiêu cung cấp nước sạch trên địa bàn và lộ trình chuyển đổi từ nước ngầm sang nước mặt đã đề ra.

- Định kỳ vào tháng 12 hàng năm, UBND các huyện, thành phố báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch cung cấp nước sạch tại địa phương, gửi về Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND Tỉnh.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, chỉ đạo kịp thời./.

Nơi nhận:

- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh (b/c);
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Các Sở, ngành Tỉnh;
- Đài THĐT, Báo Đồng Tháp;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công ty CP Cấp nước và MTĐT ĐT;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, NC/KT.lgv.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Minh Tuấn

PHỤ LỤC 1
Hiện trạng số trạm cấp nước, số hộ dân và tỷ lệ hộ dân được cấp nước năm 2020
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
(kèm theo Kế hoạch số 198 /KH-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2021
của UBND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Huyện, Thành phố	Số trạm cấp nước	Nguồn nước khai thác		Tổng số hộ dân (hộ)	Số hộ dân được cấp nước (hộ)	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước (%)	Số hộ dân CHƯA được cấp nước (hộ)	Tỷ lệ hộ dân CHƯA được cấp nước (%)	Ghi chú
			Nước mặt	Nước ngầm						
1	Thành phố Cao Lãnh	15	3	12	43.304	43.254	99,88	50	0,12	
2	Thành phố Sa Đéc	4	2	2	29.091	28.701	98,66	390	1,34	
3	Thành phố Hồng Ngự	3	3	0	20.778	20.707	99,66	71	0,34	
4	Huyện Lấp Vò	38	5	33	46.417	43.347	93,39	3.070	6,61	
5	Huyện Lai Vung	60	2	58	41.943	29.714	70,84	12.229	29,16	
6	Huyện Châu Thành	23	8	15	37.422	27.880	74,50	9.542	25,50	
7	Huyện Hồng Ngự	14	14	0	33.854	33.505	98,97	349	1,03	
8	Huyện Tân Hồng	34	5	29	22.096	12.058	54,57	10.038	45,43	
9	Huyện Tam Nông	41	6	35	22.489	12.058	53,62	10.431	46,38	
10	Huyện Thanh Bình	28	10	18	38.505	33.732	86,67	5.133	13,33	
11	Huyện Tháp Mười	91	2	89	31.538	28.275	89,65	3.263	10,35	
12	Huyện Cao Lãnh	62	2	60	52.296	39.213	74,98	13.083	25,02	
	Toàn Tỉnh	413	62	351	426.764	365.560	85,66	61.204	14,34	

PHỤ LỤC 2

Hiện trạng chất lượng nước tại các trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2019 và năm 2020

(kèm theo Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

1. Hiện trạng chất lượng nước cấp tại các TCN năm 2019

- Kết quả kiểm tra chất lượng nước của các trạm cấp nước (TCN) trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2019 được tổng hợp tại bảng sau:

STT	Huyện, Thành phố	Số TCN	Nguồn nước khai thác		Số TCN ĐẠT chất lượng nước (năm 2019)	Số TCN KHÔNG ĐẠT chất lượng nước (năm 2019)			Ghi chú
			Nước mặt	Nước ngầm		Tổng	Nước mặt	Nước ngầm	
1	Thành phố Cao Lãnh	15	3	12	12	3	0	3	
2	Thành phố Sa Đéc	4	2	2	4	0	0	0	
3	Thành phố Hồng Ngự	3	3	0	3	0	0	0	
4	Huyện Lấp Vò	38	5	33	28	10	4	6	
5	Huyện Lai Vung	60	2	58	42	18	1	17	
6	Huyện Châu Thành	23	8	15	7	16	2	14	
7	Huyện Hồng Ngự	14	14	0	5	9	9	0	
8	Huyện Tân Hồng	34	5	29	8	26	5	21	
9	Huyện Tam Nông	41	6	35	15	26	1	25	
10	Huyện Thanh Bình	28	10	18	16	12	6	6	
11	Huyện Tháp Mười	91	2	89	23	68	0	68	
12	Huyện Cao Lãnh	62	2	60	46	16	1	15	
Toàn Tỉnh		413	62	351	209	204	29	175	

a) Hiện trạng chất lượng nước tại các TCN có công suất trên 1.000 m³/ngày đêm năm 2019

Năm 2019, 35 TCN có công suất trên 1.000 m³/ngày đêm được kiểm tra, với chất lượng nước đều đạt theo quy chuẩn 01:2009/BYT.

b) Hiện trạng chất lượng nước tại các TCN có công suất dưới 1.000 m³/ngày đêm

Năm 2019, 341 TCN có công suất dưới 1.000 m³/ngày đêm được kiểm tra hai đợt, đối chiếu với với QCVN 02:2009/BYT. Kết quả như sau:

TT	Huyện, Thành phố	Tổng số TCN được giám sát năm 2019 (hai đợt)		
		Tổng số TCN	Đạt	Không đạt
1	Thành phố Cao Lãnh	6	3	3
2	Huyện Tháp Mười	84	16	68
3	Huyện Tam Nông	36	10	26
4	Huyện Thanh Bình	21	9	12
5	Huyện Cao Lãnh	48	32	16
6	Huyện Tân Hồng	31	5	26

TT	Huyện, Thành phố	Tổng số TCN được giám sát năm 2019 (hai đợt)		
		Tổng số TCN	Đạt	Không đạt
7	Huyện Lập Vò	35	25	10
8	Huyện Lai Vung	46	28	18
9	Huyện Châu Thành	22	6	16
10	Huyện Hồng Ngự	10	1	9
11	Thành phố Hồng Ngự	2	2	0
Tổng cộng		341	137	204

- Kết quả kiểm tra chất lượng nước đối với các TCN (công suất dưới 1.000 m³/ngày đêm) đợt I năm 2019:

STT	Tên huyện	ĐỢT I năm 2019					
		Kết quả kiểm tra chất lượng nước (01 mẫu/ TCN)			Tổng số (TS) mẫu không đạt		
		TS mẫu	Đạt	Không đạt	Lý hóa	Vi sinh	Lý hóa và vi sinh
1	Thành phố Cao Lãnh	6	4	2	1	0	1
2	Huyện Tháp Mười	85	24	61	51	1	9
3	Huyện Tam Nông	37	17	20	12	5	3
4	Huyện Thanh Bình	24	16	8	6	1	1
5	Huyện Cao Lãnh	54	44	10	7	3	0
6	Huyện Tân Hồng	31	5	26	19	3	4
7	Huyện Lập Vò	39	37	2	0	2	0
8	Huyện Lai Vung	49	42	7	7	0	0
9	Huyện Châu Thành	22	7	15	13	2	0
10	Huyện Hồng Ngự	10	1	9	1	4	4
11	Thành phố Hồng Ngự	2	2	0	0	0	0
TỔNG		359	199	160	117	21	22
Tỷ lệ %			55,43	44,57	73,13	13,13	13,75

- Kết quả chi tiết các chỉ tiêu không đạt tại các TCN có công suất dưới 1.000 m³/ngày đêm trong đợt I năm 2019 như sau:

STT	Huyện, thành phố	ĐỢT I năm 2019							
		Chỉ tiêu không đạt/ 01 mẫu							
		Asen	Sắt tc	TSS	Clorua	Độ đục	Coliforms	E.Coli	Amoni
1	Thành phố Cao Lãnh		2				1		
2	Huyện Tháp Mười	57	7		1		6	5	
3	Huyện Tam Nông	6	8	1		1	1	7	
4	Huyện Thanh Bình		1	6		4	1	2	
5	Huyện Cao Lãnh	6			1		1	3	
6	Huyện Tân Hồng	17	3	2			5	4	1
7	Huyện Lập Vò						2	1	
8	Huyện Lai Vung	3			4	1			1
9	Huyện Châu Thành		1	2	11	3	2		
10	Huyện Hồng Ngự					5	5	6	
11	Thành phố Hồng Ngự								
TỔNG		89	22	11	17	14	24	28	2

STT	Huyện, thành phố	ĐỢT II năm 2019								
		Chỉ tiêu không đạt/ 01 mẫu								
		Asen	Coliforms	E.coli	Amoni	Clorua	Sắt tc	TSS	Độ đục	pH
TỔNG CỘNG		104	24	31	4	19	21	15	10	3

Riêng chỉ tiêu Asen (ngưỡng cho phép là 10µg/l): có 104 cơ sở nhiễm ở các nồng độ khác nhau. Cụ thể như sau:

STT	Huyện, Thành phố	Mức độ nhiễm Asen		
		>10-20µg/l	20-<30µg/l	30-<40µg/l
1	Huyện Tháp Mười	53	3	
2	Huyện Tam Nông	12		
3	Huyện Tân Hồng	9	6	4
4	Huyện Châu Thành	3		
5	Huyện Thanh Bình	1		
6	Huyện Cao Lãnh	8		
7	Huyện Lấp Vò	2		
8	Huyện Lai Vung	3		
Tổng cộng		91	9	4

2. Hiện trạng chất lượng nước cấp tại các TCN năm 2020

a) Hiện trạng chất lượng nước tại các TCN có công suất từ 1.000 m³/ngày đêm trở lên

Tổng số TCN có công suất trên 1.000 m³/ngày được kiểm tra đợt I năm 2020 là 41 TCN. Kết quả, 07/41 TCN không đạt chất lượng nước theo QCVN 01:2009/BYT. Cụ thể, 07 mẫu đều không đạt về lý hóa, bao gồm:

- 01 mẫu không đạt về chỉ tiêu Asen (TCN nước ngầm, mức độ nhiễm nhẹ (10,44 µg/l) so với mới quy định (≤ 10 µg/l));
- 02 mẫu không đạt về chất hữu cơ;
- 05 mẫu không đạt về độ đục.

b) Hiện trạng chất lượng nước tại các TCN có công suất dưới 1.000 m³/ngày đêm

- Trong đợt I năm 2020, tổng số trạm cấp nước được giám sát chất lượng là 320 trạm, bao gồm: nước mặt: 33/33 trạm, nước ngầm: 287/308 trạm. Kết quả kiểm tra chất lượng nước như sau:

STT	Huyện, thành phố	ĐỢT I năm 2020					
		Kết quả kiểm tra chất lượng nước (01 mẫu/ TCN)			TS mẫu không đạt		
		TS mẫu	Đạt	Không đạt	Lý hóa	Vi sinh	Lý hóa và vi sinh
1	Thành phố Cao Lãnh	5	5	0			
2	Huyện Tháp Mười	84	22	62	54	3	5
3	Huyện Tam Nông	35	17	18	11	1	6
4	Huyện Thanh Bình	22	13	9	1	8	
5	Huyện Cao Lãnh	50	26	24	20	3	1
6	Huyện Tân Hồng	26	5	21	19		2

STT	Huyện, thành phố	ĐỢT I năm 2020					
		Kết quả kiểm tra chất lượng nước (01 mẫu/ TCN)			TS mẫu không đạt		
		TS mẫu	Đạt	Không đạt	Lý hóa	Vi sinh	Lý hóa và vi sinh
7	Huyện Lập Vò	28	26	2	2		
8	Huyện Lai Vung	45	34	11	10	1	
9	Huyện Châu Thành	13	2	11	8	1	2
10	Huyện Hồng Ngự	10	5	5	1	2	2
11	Thành phố Hồng Ngự	2	1	1			1
TỔNG		320	156	164	126	19	19
Tỷ lệ %			48,75	51,25	76,83	11,59	11,59

- Qua đợt giám sát, các chỉ tiêu không đạt thường gặp gồm: Asen, sắt, Clorua, Amoni, Chất hữu cơ, độ đục, Coliform và E.Coli. Kết quả chi tiết các chỉ tiêu không đạt tại các TCN có công suất dưới 1.000 m³/ngày đêm trong đợt I năm 2020 như sau:

STT	Huyện, thành phố	ĐỢT I năm 2020									
		Chỉ tiêu không đạt/01 mẫu									
		Asen	Sắt tc	Màu sắc	pH	Clorua	Độ đục	Coliforms	E.Coli	Amoni	Chất hữu cơ
1	Thành phố Cao Lãnh										
2	Huyện Tháp Mười	57	3			1		2	7		
3	Huyện Tam Nông	14	7					3	6		
4	Huyện Thanh Bình				1			8	3		
5	Huyện Cao Lãnh	16	1		4			2	2		
6	Huyện Tân Hồng	18	3	1				1	2	1	
7	Huyện Lập Vò	1				1					
8	Huyện Lai Vung	5	2			4		1	1	2	
9	Huyện Châu Thành	2	3		1	6		2	2		1
10	Huyện Hồng Ngự		2				2	3	3		
11	Thành phố Hồng Ngự							1		1	
TỔNG		113	21	1	6	12	2	23	26	4	1

Riêng chỉ tiêu Asen (ngưỡng cho phép là **10µg/l**): có 113 cơ sở nhiễm ở các nồng độ khác nhau. Cụ thể như sau:

STT	Huyện, Thành phố	Mức độ nhiễm Asen (đợt I năm 2020)		
		>10-20µg/l	20-<30µg/l	30-<50µg/l
1	Huyện Tháp Mười	48	9	
2	Huyện Tam Nông	12	1	1
3	Huyện Tân Hồng	10	5	3
4	Huyện Cao Lãnh	16		
5	Huyện Lai Vung	5		
6	Huyện Lập Vò	1		
7	Huyện Châu Thành	2		
Tổng		94	15	4

Các trạm có lắp đặt hệ thống xử lý Asen được giám sát trong đợt I năm 2020 là 54/60 trạm. Số trạm không đạt là: 29/54 trạm. Trong đó, số TCN không

đạt chỉ tiêu Asen là 29 trạm và số TCN không đạt chỉ tiêu sắt là 07 trạm. Còn lại 06 trạm có lắp đặt hệ thống xử lý Asen nhưng không giám sát được.

Lý do: 01 TCN ở thành phố Cao Lãnh đã giao lại cho Công ty Dowasen, 01 TCN ở huyện Tân Hồng không khai thác nước ngầm mà đầu nối với trạm nước mặt. Còn lại, 03 trạm ở huyện Lấp Vò và 01 trạm ở huyện Tam Nông không giám sát được vì bị mất điện ngay tại thời điểm giám sát.

- Trong đợt II năm 2020, tổng số trạm cấp nước được giám sát chất lượng là 309 trạm, bao gồm: nước mặt: 37/37 trạm, nước ngầm: 272/272 trạm. Kết quả kiểm tra chất lượng nước như sau:

STT	Huyện, thành phố	ĐỢT II năm 2020					
		Kết quả kiểm tra chất lượng nước (01 mẫu/ TCN)			Tổng số (TS) mẫu không đạt		
		TS mẫu	Đạt	Không đạt	Lý hóa	Vi sinh	Lý hóa và vi sinh
1	Thành phố Cao Lãnh	3	2	1	1		
2	Huyện Tháp Mười	85	23	62	50	6	6
3	Huyện Tam Nông	36	15	21	13	3	5
4	Huyện Thanh Bình	20	7	13	9	2	2
5	Huyện Cao Lãnh	51	40	11	7	3	1
6	Huyện Tân Hồng	28	4	24	21	2	1
7	Huyện Lấp Vò	21	18	3	2	1	
8	Huyện Lai Vung	41	24	17	11	5	1
9	Huyện Châu Thành	13	5	8	5	2	1
10	Huyện Hồng Ngự	10	4	6		3	3
11	Thành phố Hồng Ngự	1		1			1
TỔNG		309	142	167	119	27	21
Tỷ lệ %			45,95	54,05	71,26	16,17	12,57

Qua đợt giám sát, các chỉ tiêu không đạt thường gặp gồm: Asen, sắt, Clorua, Amoni, độ đục, Coliform và E.Coli. Kết quả chi tiết như sau:

STT	Huyện, thành phố	ĐỢT II năm 2020								
		Chỉ tiêu không đạt/ 01 mẫu								
		Ase n	Sắt tc	Độ cứng	pH	Clorua	Độ đục	Coliform s	E.Coli	Amoni
1	Thành phố Cao Lãnh		1							
2	Huyện Tháp Mười	55	1			1		4	9	
3	Huyện Tam Nông	10	12					4	6	
4	Huyện Thanh Bình	1	6	1	2	1	6	2	3	
5	Huyện Cao Lãnh	7					1	2	3	
6	Huyện Tân Hồng	19	4				1	3	3	
7	Huyện Lấp Vò					2		1	1	
8	Huyện Lai Vung	3	2		1	7		4	2	1
9	Huyện Châu Thành		1			4		1	3	1
10	Huyện Hồng Ngự		1				2	6	2	
11	Thành phố Hồng Ngự							1	1	1
TỔNG		95	28	1	3	15	10	28	33	3

Riêng chỉ tiêu Asen (ngưỡng cho phép là $10\mu\text{g/l}$): có 95 cơ sở nhiễm ở các nồng độ khác nhau. Cụ thể như sau:

STT	Huyện, Thành phố	Mức độ nhiễm Asen		
		10-20 $\mu\text{g/l}$	20-<30 $\mu\text{g/l}$	30-<50 $\mu\text{g/l}$
1	Huyện Tháp Mười	53	02	
2	Huyện Tam Nông	10		
3	Huyện Thanh Bình	1		
4	Huyện Cao Lãnh	7		
5	Huyện Tân Hồng	13	05	01
6	Huyện Lai Vung	3		
Tổng		87	7	1

Các trạm có lắp đặt hệ thống xử lý Asen được giám sát là: 50/60 trạm. Số trạm không đạt là 35/50 trạm, trong đó, không đạt về chỉ tiêu Asen là 20 trạm và sắt là 11 trạm. Còn lại, 10/60 trạm không giám sát do ngưng khai thác nước ngầm và đầu nối đường ống với trạm khác.

PHỤ LỤC 3

Định hướng phân vùng cấp nước tại các huyện giai đoạn 2021 – 2025

*(kèm theo Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2021
của UBND tỉnh Đồng Tháp)*

1. Định hướng phân vùng cấp nước giai đoạn 2021 - 2025 tại các huyện: Lai Vung, Châu Thành, Tháp Mười, Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình, Cao Lãnh

1.1. Định hướng phân vùng cấp nước trên địa bàn huyện Lai Vung bao gồm 05 vùng cấp nước, cụ thể theo bảng sau:

TT	Phân vùng cấp nước	Xã, Thị trấn	Ghi chú
1	Vùng 1	Thị trấn Lai Vung	
2		Xã Tân Dương	
3		Xã Hòa Thành	
4		Xã Hòa Long	
5		Xã Long Thắng	
6	Vùng 2	Xã Long Hậu	
7	Vùng 3	Xã Tân Thành	
8		Xã Tân Phước	
9	Vùng 4	Xã Vĩnh Thới	
10		Xã Tân Hòa	
11		Xã Định Hòa	
12	Vùng 5	Xã Phong Hòa	

1.2. Định hướng phân vùng cấp nước trên địa bàn huyện Châu Thành bao gồm 03 vùng cấp nước, cụ thể theo bảng sau:

TT	Phân vùng cấp nước	Xã, Thị trấn	Ghi chú
1	Vùng 1	Thị trấn Cái Tàu Hạ	
2		Xã Tân Bình	
3		Xã Phú Hựu	
4		Xã An Phú Thuận	
5		Xã Phú Long	
6		Xã Tân Phú Trung	
7		Xã An Nhơn	
8		Xã An Hiệp	
9		Xã An Khánh	
10a	Vùng 2	Một phần xã Tân Nhuận Đông	
10b		Một phần xã Tân Nhuận Đông	
11		Xã Hòa Tân	
12	Vùng 3	Xã Tân Phú	

1.3. Định hướng phân vùng cấp nước trên địa bàn huyện Tháp Mười bao gồm 08 vùng cấp nước, cụ thể theo bảng sau:

TT	Phân vùng cấp nước	Xã, Thị trấn	Ghi chú
1	Vùng 1	Thị trấn Mỹ An	
2		Xã Trường Xuân	
3a		Một phần xã Mỹ Hòa	
4	Vùng 2	Xã Thanh Mỹ	
4a	Vùng 3	Một phần xã Thanh Mỹ	
5		Xã Phú Điền	
6a		Một phần xã Mỹ An	
7	Vùng 4	Xã Mỹ Quý	
8		Xã Mỹ Đông	
9		Xã Láng Biển	
10	Vùng 5	Xã Đốc Binh Kiều	
6b		Một phần xã Mỹ An	
11	Vùng 6	Xã Tân Kiều	
3b		Một phần xã Mỹ Hòa	
12	Vùng 7	Xã Hưng Thạnh	
2a		Một phần xã Trường Xuân	
13	Vùng 8	Xã Thạnh Lợi	

1.4. Định hướng phân vùng cấp nước trên địa bàn huyện Hồng Ngự bao gồm 03 vùng cấp nước, cụ thể theo bảng sau:

TT	Phân vùng cấp nước	Xã, Thị trấn	Ghi chú
1	Vùng 1	Thị trấn Thường Thới Tiền	
2		Xã Thường Thới Hậu A	
3		Xã Thường Phước 2	
4		Xã Thường Phước 1	
5		Xã Thường Lạc	
6	Vùng 2	Xã Long Khánh A	
7		Xã Long Khánh B	
8	Vùng 3	Xã Long Thuận	
9		Xã Phú Thuận A	
10a		Xã Phú Thuận B	
10b	Vùng 3a	Một phần xã Phú Thuận B	Khu vực tiếp giáp với 05 xã cũ của huyện Thanh Bình

1.5. Định hướng phân vùng cấp nước trên địa bàn huyện Tân Hồng bao gồm 02 vùng cấp nước, cụ thể theo bảng sau:

TT	Phân vùng cấp nước	Xã, Thị trấn	Ghi chú
1	Vùng 1	Thị trấn Sa Rài	
2		Xã Bình Phú	
3		Xã Tân Công Chí	
4a		Một phần Xã Tân Hộ Cơ	
4b	Vùng 2	Một phần Xã Tân Hộ Cơ	
5		Xã An Phước	
6		Xã Tân Phước	
7		Xã Tân Thành A	
8		Xã Tân Thành B	
9		Xã Thông Bình	

1.6. Định hướng phân vùng cấp nước trên địa bàn huyện Tam Nông bao gồm 02 vùng cấp nước, cụ thể theo bảng sau:

TT	Phân vùng cấp nước	Xã, Thị trấn	Ghi chú
1	Vùng 1	Thị trấn Tràm Chim	
2		Xã An Hòa	
3		Xã An Long	
4		Xã Phú Ninh	
5		Xã Phú Thành A	
6		Xã Phú Thành B	
7		Xã Phú Thọ	
8		Xã Phú Cường	
9		Xã Phú Đức	
10		Xã Phú Hiệp	
11	Vùng 2	Xã Hòa Bình	
12		Xã Tân Công Sính	

1.7. Định hướng phân vùng cấp nước trên địa bàn huyện Thanh Bình bao gồm 09 vùng cấp nước, cụ thể theo bảng sau:

TT	Phân vùng cấp nước	Xã, Thị trấn	Ghi chú
1	Vùng 1	Thị trấn Thanh Bình	
2		Xã Tân Phú	
3	Vùng 2	Xã An Phong	
4		Xã Tân Thạnh	
5a		Một phần xã Phú Lợi	
5b	Vùng 3	Một phần xã Phú Lợi	
6		Xã Tân Mỹ	
7	Vùng 4	Xã Bình Thành	

TT	Phân vùng cấp nước	Xã, Thị trấn	Ghi chú
8	Vùng 5	Xã Bình Tấn	
9	Vùng 6	Xã Tân Huê	
10a		Một phần xã Tân Quới	
11a		Một phần xã Tân Hòa	
10b		Một phần xã Tân Quới	
11b	Vùng 7	Một phần xã Tân Hòa	
13a		Một phần xã Tân Long	
12	Vùng 8	Xã Tân Bình	
13b	Vùng 9	Một phần xã Tân Long	

1.8. Định hướng phân vùng cấp nước trên địa bàn huyện Cao Lãnh bao gồm 04 vùng cấp nước, cụ thể theo bảng sau:

TT	Phân vùng cấp nước	Xã, Thị trấn	Ghi chú
1	Vùng 1	Thị trấn Mỹ Thọ	
2		Xã Phong Mỹ	
3		Xã Tân Nghĩa	
4		Xã Phương Trà	
5		Xã Nhị Mỹ	
6		Xã An Bình	
7		Xã Mỹ Thọ	
8		Xã Mỹ Hội	
9		Xã Bình Hàng Trung	
10		Xã Mỹ Long	
11		Xã Mỹ Hiệp	
12		Xã Tân Hội Trung	
13		Xã Ba Sao	
14		Xã Gáo Giồng	
15		Xã Phương Thịnh	
16	Vùng 2	Xã Mỹ Xương	
17	Vùng 3	Xã Bình Hàng Tây	
18	Vùng 4	Xã Bình Thạnh	

2. Lưu ý:

UBND huyện phải xác định rõ phạm vi cấp nước của các một phần xã trong Kế hoạch cung cấp nước sạch giai đoạn 2021 - 2025 của địa phương.

PHỤ LỤC 4

Lộ trình chuyển đổi từ nước ngầm sang nước mặt trong cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

(kèm theo Kế hoạch số 198 /KH-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2021
của UBND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Huyện, thành phố	Lộ trình chuyển đổi từ nước ngầm sang nước mặt trong cung cấp nước sạch	Ghi chú
1	Thành phố Cao Lãnh	Đến hết 31/12/2021	Nếu phát sinh những trường hợp đặc biệt không thể thực hiện theo lộ trình này, UBND các huyện, thành phố kịp thời báo cáo UBND Tỉnh xem xét, quyết định.
2	Thành phố Sa Đéc	Đến hết 31/12/2021	
3	Huyện Lấp Vò	Đến hết 31/12/2021	
4	Huyện Châu Thành	Đến hết 31/12/2022	
5	Huyện Lai Vung	Đến hết 31/12/2022	
6	Huyện Tân Hồng	Đến hết 31/12/2023	
7	Huyện Cao Lãnh	Đến hết 31/12/2023	
8	Huyện Thanh Bình	Đến hết 31/12/2023	
9	Huyện Tam Nông	Đến hết 31/12/2023	
10	Huyện Tháp Mười	Đến hết 31/12/2023	
11	Thành phố Hồng Ngự	Không còn TCN ngầm trên địa bàn	Không cho phép khoan (thăm dò) giếng mới
12	Huyện Hồng Ngự	Không còn TCN ngầm trên địa bàn	

PHỤ LỤC 5
Danh mục công việc trọng tâm
(kèm theo Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2021
của UBND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Danh mục công việc trọng tâm	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian dự kiến hoàn thành	Ghi chú
1	Ban hành Kế hoạch cung cấp nước sạch trên địa bàn huyện, thành phố giai đoạn 2021 - 2025	UBND huyện, thành phố	- Các đơn vị cấp nước/Nhà đầu tư cấp nước; - Các đơn vị khác có liên quan.	31/08/2021	
2	Xây dựng Quy chuẩn chất lượng nước sạch tỉnh Đồng Tháp	Sở Y tế	- Các Sở: XD, NNPTNT, TNMT, TC, KHĐT, KHCN; - UBND huyện, thành phố; - Các đơn vị khác có liên quan.	30/6/2021	
3	Tham mưu, kiến nghị UBND Tỉnh về việc tổ chức thực hiện việc ký hợp đồng cấp nước (thỏa thuận cấp nước) trên địa bàn các huyện, thành phố	- Sở Xây dựng; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Các Sở: NNPTNT, TNMT, YT, KHĐT, TC, KHCN; - UBND huyện, thành phố; - Các đơn vị khác có liên quan.	30/09/2021	- Sở Xây dựng phụ trách địa bàn đô thị; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phụ trách địa bàn nông thôn.
4	Ký kết hợp đồng cấp nước (thỏa thuận cấp nước) với các đơn vị cấp nước theo Kế hoạch cung cấp nước sạch trên địa bàn huyện, thành phố đã ban hành	UBND huyện, thành phố	- Các đơn vị cấp nước/Nhà đầu tư cấp nước; - Các đơn vị khác có liên quan.	2021 - 2025	Thực hiện theo quy định hiện hành (Nghị định 117/2007/NĐ-CP của Chính Phủ và Thông tư 01/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng)
5	Xây dựng Phương án thực hiện lộ trình hạn chế khai thác nước dưới đất trong cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 – 2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Các Sở: XD, NNPTNT, TC, KHĐT, YT, KHCN; - UBND huyện, thành phố; - Các đơn vị khác có liên quan.	2021 - 2025	
6	Xây dựng, tham mưu UBND Tỉnh chính sách về đất đai để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trạm cấp nước mặt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Các Sở: XD, NNPTNT, TC, KHĐT, KHCN, GTVT; - UBND huyện, thành phố; - Các đơn vị cấp nước/Nhà đầu tư cấp nước. - Các đơn vị khác có liên quan.	2021 - 2025	

TT	Danh mục công việc trọng tâm	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian dự kiến hoàn thành	Ghi chú
7	Xây dựng chính sách hỗ trợ di dời đường ống cấp nước khi thực hiện các dự án công trình giao thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Các Sở: XD, NNPTNT, GTVT, TC, KHĐT, KHCN; - UBND huyện, thành phố; - Các đơn vị khác có liên quan.	2021 - 2025	
8	Đề xuất xây dựng chương trình quan trắc chất lượng nước mặt tự động (online)	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Các Sở: XD, NNPTNT, TC, KHĐT, YT, KHCN; - UBND huyện, thành phố; - Các đơn vị khác có liên quan.	2021 - 2025	<i>Nghiên cứu, tổ chức thực hiện đúng theo quy định</i>
9	Đề xuất xây dựng chương trình giám sát chất lượng nước sạch tự động (online)	Sở Y tế	- Các Sở: XD, NNPTNT, TNMT, TC, KHĐT, KHCN; - UBND huyện, thành phố; - Các đơn vị khác có liên quan.	2021 - 2025	<i>Nghiên cứu, tổ chức thực hiện đúng theo quy định</i>
10	Đề xuất xây dựng, tổng hợp cơ sở dữ liệu sử dụng chung về công tác cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh	- Sở Xây dựng; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Các Sở: NNPTNT, TNMT, TC, KHĐT, KHCN, YT, GTVT; - UBND huyện, thành phố; - Các đơn vị cấp nước/Nhà đầu tư cấp nước; - Các đơn vị khác có liên quan.	2021 - 2025	- <i>Sở Xây dựng phụ trách địa bàn đô thị;</i> - <i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phụ trách địa bàn nông thôn.</i>
11	Điều tra cập nhật, báo cáo Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch theo Quyết định số 4826/QĐ-BNN-TCTL ngày 07/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn và tài liệu hướng dẫn triển khai	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- UBND huyện, thành phố; - Các đơn vị khác có liên quan.	2021 - 2025 (Định kỳ hàng năm)	
12	Đề xuất giải pháp xử lý các trạm cấp nước bị nhiễm asen và triển khai thực hiện	- Sở Y tế; - UBND huyện, thành phố.	- Các Sở: XD, NNPTNT, KHCN, TNMT; - Các đơn vị khác có liên quan.	2021 - 2025	

TT	Danh mục công việc trọng tâm	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian dự kiến hoàn thành	Ghi chú
13	Đề xuất danh mục đầu tư công các dự án cấp nước	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Sở Xây dựng; - UBND huyện, thành phố.	- Các Sở: TNMT, TC, KHĐT, KHCN, YT; - Các đơn vị khác có liên quan.	2021 - 2025	
14	Tham mưu, kiến nghị UBND Tỉnh về việc xem xét, hỗ trợ, cấp bù phương án giá nước sạch do đơn vị cấp nước xây dựng khi dự án các công trình, trạm cấp nước của đơn vị cấp nước được xây dựng mới hoặc chuyển đổi công nghệ mới đảm bảo theo chuẩn chất lượng quy định	Sở Tài chính	- Các Sở: XD, NNPTNT, TNMT, YT, KHĐT, KHCN; - UBND huyện, thành phố. - Các đơn vị khác có liên quan.	2021 - 2025	
15	Xây dựng lộ trình thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn Tỉnh đến 2025	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Sở Xây dựng;	- Các Sở: TNMT, TC, KHĐT, KHCN, YT; - UBND huyện, thành phố; - Các đơn vị khác có liên quan.	2021 - 2025	- <i>Sở Xây dựng phụ trách địa bàn đô thị;</i> - <i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phụ trách địa bàn nông thôn.</i>